

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty TNHH SOTO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 80/GP-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 519/TTr-STNMT ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH SOTO.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH SOTO, theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 80/GP-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH SOTO; địa chỉ: Xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 02 giếng (ký hiệu LK1, LK2) khai thác nước dưới đất tại xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền:

- Giếng LK1 khai thác nước phục vụ cho mục đích sản xuất, sinh hoạt của Nhà máy may thuộc công ty TNHH SOTO;

- Giếng LK2 khai thác nước phục vụ hoạt động kinh doanh Khu đô thị du lịch sinh thái biển Tiên Trang của công ty;

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

$G_1 = 5.000 \text{ đồng/m}^3$ (Mức giá nước dưới đất dùng cho làm mát, tạo hơi);

$G_2 = 70.000 \text{ đồng/m}^3$ (Mức giá nước dưới đất dùng để phục vụ hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ)

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

- Đối với giếng LK1 (phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhà máy may):

+ Sản lượng dùng cho làm mát, tạo hơi:

$$W_1 = 6 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 1.850 \text{ ngày} = 11.100 \text{ m}^3.$$

+ Sản lượng dùng cho sinh hoạt:

$$W_2 = 12 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 1.850 \text{ ngày} = 22.200 \text{ m}^3.$$

- Đối với giếng LK2 (phục vụ sinh hoạt của Khu đô thị du lịch sinh thái biển Tiên Trang của công ty):

$$W_3 = (15 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 909 \text{ ngày}) + (3 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 941 \text{ ngày}) = 16.458 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 27/4/2020 đến hết ngày 21/5/2025 là 1.850 ngày.

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$;

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

$M_1 = 0,2\%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho làm mát, tạo hơi);

$M_2 = 1,5\%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

$M_3 = 2,0\%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp cho mục đích làm mát, tạo hơi là: $T_1 = (W_1 \times G_1 \times K \times M_1) = (11.100 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 155.400 \text{ đồng}$;

- Tổng số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt là: $T_2 = (W_2 \times G_2 \times K \times M_2) + (W_3 \times G_2 \times K \times M_3) = (22.200 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (16.458 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 2,0\%) = 64.891.680 \text{ đồng}$;

Tổng số tiền phải nộp: $T = T_1 + T_2 = 65.047.080 \text{ đồng}$.

(Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm tám mươi đồng);

9. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm, được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (2020): 8.755.000 đồng;

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2021-2024): 12.834.000 đồng;

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (2025): 4.956.080 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH SOTO liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15 tháng 12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm :

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH SOTO về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước năm đầu tiên (năm 2020), chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Đối với lần nộp năm cuối cùng (năm 2025): Ban hành thông báo đến Công ty TNHH SOTO về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2025 trước ngày 22/5/2025 (ngày hết hiệu lực của giấy phép khai thác, sử dụng nước số 80/GP-UBND);

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty TNHH SOTO; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH SOTO có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH SOTO gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Công ty TNHH SOTO phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Quảng Xương; UBND xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương; Chủ tịch UBND xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương; Giám đốc Công ty TNHH SOTO; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Lưu: VT, NN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-158

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm